ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ 12

1. PHẦN LÝ THUYẾT

BÀI 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM 1954-1965

*Câu 41: Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơ ne vơ năm 1954 về Đông Dương:*

*\* Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ ne vơ*

*Ở miền Bắc :*

- Ngày 10/10/1954 quân ta vào tiếp quản HN

- 1/1/1955 TW Đảng, Chính Phủ, Chủ Tịch Hồ Chí Minh ra mắt nd Thủ Đô

- 16/5/1955 Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà, Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

*Ở Miền Nam:*

- 5/1956 Pháp rút quân khỏi Miền Nam khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc

- Mỹ thay chân Pháp và đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến Miền Nam Việt Nam thành thuộc đia kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Nam Á .

*\* Nhiệm vụ cách mạng của cả nước :*

- Miền Bắc: Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế tiến lên CNXH, để trở thành hậu phươnh vững chắc cho CMMN.

- Miền Nam: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà .

*\*Vai trò và mối quan hệ của cách mạng hai miền :*

- Miền Bắc là hậu phương có vai trò quyết định nhất, còn Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp trong việc thực hiện nhiệm vụ chung, trước hết là đánh bại đế quốc Mỹ, giải phóng Miền Nam .

- Cách mạng hai miền có mối quan hệ gắn bó với nhau, phối hợp nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Đó là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.

*Câu 42: Những thành tựu trong việc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957) ở miền Bắc*

*\* Hoàn thành cải cách ruộng đất:*

- Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế ở MB và yêu cầu quyền lợi về kinh tế, chính trị của nd, nhằm củng cố khối liên minh công nông…Đảnh, CP quyết định “ đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruọng đất”

- Trong hơn 2 năm (1954-1956), Miền Bắc tiến hành đợt 6 giảm tô và đợt 4 cải cách ruộng đất.

- Kết quả: 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông nông cụ được chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

*Hạn chế:* trong cải cách ruộng đất đã có những sai lầm như đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến… nhưng đã kịp thời sửa sai.

*Ý nghĩa:* Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công nông dược củng cố.

*Câu 43: Hoàn cảnh, diễn biến , ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi 1959-1960 .*

*\* Điều kiện lịch sử : (Nguyên nhân của phong trào Đồng khởi)*

- Những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng, đề ra luật 10/59, đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, công khai chém giết hàng vạn cán bộ Đảng viên…=>Cần phải có một biện pháp quyết liệt để đua CM vượt qua khó khăn.

- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

*\* Diễn biến của phong trào “Đồng Khởi”:*

- Bắt đầu bằng những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở Bắc Ái, Vĩnh Thạnh (2/1959), Trà Bồng (8/1959), phong trào nhanh chóng lan rộng ra khắp Miền Nam thành cao trào cách mạng tiêu biểu là cuộc “Đồng Khởi” ở Bến Tre

- Ngày 17/1/1960, “Đồng Khởi” nổ ra ở 3 xã điểm: Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre), rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện, toàn tỉnh Bến Tre, lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên…

*\* Kết quả:*

- Phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch, thành lập ủy ban nd tự quản, thành lập lực lượng vũ trang, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo.

. - Từ phong trào Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng miền Nam Việt Nam ra đời ( 20/12/1960) do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch.

*\*Ý nghĩa:*

- Phong trào “Đồng Khởi” đã giàng đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chế độ tay sai Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

*\* Taïi sao noùi thaéng lôïi cuûa phong traøo “Ñoàng Khôûiû” ñaõ ñaùnh daáu böôùc phaùt trieån nhaûy voït cuûa caùch maïng mieàn Nam ?*

- Ñaõ laøm lung lay taän goác cheá ñoä Mó – Dieäm ôû mieàn Nam .

- Laøm cho löïc löôïng vuõ trang caùch maïng mieàn Nam xuaát hieän. Hai löïc löôïng chính trò vaø löc löôïng vuõ trang ñeàu lôùn maïnh .

- Vuøng giaûi phoùng ôû mieàn Nam nöôùc ta ra ñôøi .

- Caùch maïng mieàn Nam ñi töø theá giöõ gìn, baûo veä löc löôïng vaø cô sôû caùch maïng sang thôøi kì tieán coâng ñeå ñaùnh ñoå cheá ñoä thoáng trò cuûa Mó – Dieäm, giaûi phoùng mieàn Nam hoaøn thaønh cuoäc caùch maïng daân toäc daân chuû nhaân daân trong caû nöôùc.

*Câu 44: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)*

*\*Hoàn cảnh lịch sử:* Giữa lúc cách mạng hai miền Nam- Bắc giành được những thắng lợi to lớn . Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 Đảng lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại thủ đô Hà Nội

*\*Nội dung:*

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ chiến lược củacách mạng từng miền

- Nêu rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ cách mạng giữa 2 miền.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

- Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

- Bầu BCHTW mới ( Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm bí thư)

*\*Ý nghĩa đại hội:* Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

*Câu 45: Những thành tựu đạt được về kinh tế và xã hội của Miền Bắc trong 5 năm 1961-1965.*

*\* Nhiệm vụ:* Phát triển CN, NN, tiếp tục cải tạo XHCN, củng cố tăng cường thành phần kinh tế quốc dân, cải thiện đời sống nd.

*\* Thành tựu:*

- Về công nghiệp: được ưu tiên xây dựng. Giá trị sản lượng ngành công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với 1960.

- Trong nông nghiệp: thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc/hecta…

- Thương nghiệp:Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên phát triển, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, cải thiện đời sống nhân dân

- Giao thông vận tải: Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và quốc tế được thuận lợi hơn.

- Giáo dục: Từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh

- Hệ thống y tế được đầu tư phát triển ( 6000 cơ sở y tế được đầu tư xây dựng)

*=> Miền Bắc còn làm nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam.*

*Câu 46: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở Miền Nam. Những thắng lợi của quân dân Miền Nam trong chống “chiến tranh đặc biệt”.*

*\*Âm mưu:*

- “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện triến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản của Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”.

*\*Thủ đoạn*

- Mĩ đề ra kế hoạch Xtalay – Taylo nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng.

- Tăng cường viện trợ quân sự: đưa nhiều cố vấn quân sự, tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, trang bị phưong tiện chiến tranh hiện đại…lập bộ chỉ huy quân sự Mĩ ở MN để trực tiếp chỉ đạo quân đội SG.

- Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

- Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lương cách mạng.

- Phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới nhằm ngăn chặn sự chi viện của MB vào MN..

*\* Những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong chiến tranh đặc biệt:*

Dưới sự lãnh đạo của MTDTGPMNVN quân dân MN nổi dậy tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược ( rừng núi, nong thôn, đô thị) bằng 3 mũi giáp công ( chính trị, quân sự, binh vận) dẫ giành được những thắng lợi:

- Cuộc đấu tranh chống và phá “ấp chiến lược” diễn ra rất gay go quyết liệt, đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số ấp với gần 70% nông dân.

- Trên mặt trận chính trị :Nd ở các đô thị nhất là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng đấu tranh chống lại sự đần áp vcủa chính quyền Diệm nổi bật là cuộc đấu tranh của các tín đồ phật giáo và “Đội quân tóc dài”=> đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm

(1/ 11/1963 Mĩ làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm)

- Trên mặt trận quân sự:

+2/1/1963 quân dân miền Nam giành thắng lớn trong trận Ấp Bắc – Mĩ Tho => dấy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”. Chiến thắng này chứng minh rằng quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặt biệt” của Mĩ - ngụy.

+ Đông – xuân 1964 – 1965, ta mở chiến dịch và giành thắng lợi ở Bình Gĩa (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước)… đã làm phá sản về cơ bản chiếc lược “ Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

*\*Ý Nghĩa :* Đây là thất bại chiến lược lần thứ hai của Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân Mĩ vào tham chiến ở Miền Nam.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

BÀI 22

NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT 1965-1973

*Câu 47:* *Âm mưu và hành động mới của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Những thắng lợi tiêu biểu của Quân dân ta trong chiến tranh Cục bộ.*

*\* Âm mưu:*

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở Miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là loại hình xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn . Trong đó quân Mỹ giữ vai trò chủ yếu .

- Mục tiêu: giành lại thế chủ động trên chiến trường bằng chiến lược “tìm diệt”, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải đánh nhỏ hoặc rút về biên giới, tiến tới kết thúc chiến tranh.

*\* Hành động :* Dựa vào ưu thế quân sự với quân số đông, vũ khí hiện đại, quân Mĩ vừa mới vào Miền Nam đã mở ngay cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) và hai cuộc phản công chiến lươc mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào “Đất thánh Việt Cộng”.

*\*Những thắng lợi tiêu biểu:*

*Chiến thắng Vạn Tường Quảng Ngãi,( 18 – 8-1965) :*

- Mờ sáng ngày 18-8 1965 Mĩ huy động 9000 quân cùng nhiều phương tiện chiến tranh mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta

- Sau một ngày quân chủ lực cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép, máy bay.

- Vạn Tường được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ, khẳng định quân dân ta có thể đánh thắng Mĩ trong chiến tranh cục bộ, mở đầu cao trào “tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam.

*Chiến thắng trong hai mùa khô:*

*- Mùa khô thứ nhất ( Đông – Xuân 1965-1966):* Quân dân miền Nam đã đập tan các cuộc phản công chiến lược với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn vào Đông Nam Bộ và Liên khu V. Quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 104 000 địch, trong đó có 42 000 quân Mỹ.

*- Mùa khô thứ hai (1966-1967):* Quân và dân ta đập tan cuộc phản công chiến lược với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định”, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxon Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu điệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta . Quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 151 000 địch, trong đó có 68 000 quân Mỹ .

*Phong trào đấu tranh của quần chúng* chống ách kìm kẹp của địch, phá “ấp chiến lược” ở nông thôn diễn ra mạnh mẽ.

Ở thành thị công nhân, HSSV đấu tranh đòi Mĩ rút về nước đòi tự do dân chủ… Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của MTDTGPMNVN được nâng cao.

*Câu 48: Hoàn cảnh lịch sử, diễn biến , kết quả và ý nghĩa của Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 và những hạn chế.*

*\*Bối cảnh:*

- Bước vào mùa xuân 1968, so sánh lực lượng của ta và địch thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

- Đồng thời lợi dụng mâu thuẩn ở nước Mĩ trong năm bầu cử Tổng thống (1968), ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

*\*Diễn biến:* Cuộc Tổng Tiến công nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị. Mở đầu là cuộc tập kích của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng 31 – 1 – 1968 (tết Mậu Thân).

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra là ba đợt, đợt 1 từ 30 – 1 đến 25 – 2 – 1968; đợt 2 trong tháng 5 và 6; đợt 3 trong tháng 8 và 9.

Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công các vị trí đầu não như Tòa Đại sứ Mĩ, Dinh độc lập, bộ Tổng tham mưu…

*\* Kết quả:* Trong đợt 1, quân ta loại khỏi còng chiến đấu 147000 tên địch, trong đó có 43000 lính Mĩ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh. Sau đòn bị đánh bất ngờ, địch tổ chức lại lực lượng phản công vì vậy trong đợt 2 và 3 lực lượng của ta gặp nhiều tổn thất do chủ quan trong đánh giá tình hình, không kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm

*\* Ý nghĩa :* giáng cho địch những đòn bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa chiến tranh”(tức thừa nhận thất bại của “chiến tranh cục bộ”), ngừng hoàn toàn ném bom bắn phá miền Bắc, chịu đàm phán với ta ở Pari, mở ra bước ngoặc của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

.

*Câu 49: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.Những thành tích của nhân dân Miền Bắc trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ*

*\*Âm mưu:*

- Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc nhằm phá hoại tìềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta trên hai miền đất nước.

*\*Thủ đoạn:*

- Mĩ dựng nên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” (5-8-1964) ném bom và đánh phá một số nơi ở MB.

- Tháng 2-1965 lấy cớ “trả đũa” quân giải phóng tiến công quân Mĩ ở Playku, Mĩ cho máy bay ném bom thị xã Đồng Hới (QB), đảo Cồn Cỏ ( Vĩnh Linh)..chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

- Mĩ huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng nghìn máy bay F111, B52… và các vũ khí hiện đại khác đánh vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, trường học, bệnh viện…

*\*Những thành tích MB đạt được:*

- Trong chiến đấu :Trong hơn 4 năm (8- 1964 đến 11- 1968), bắn rơi, phá hủy 3243 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến. Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc (11-1968

- Trong sản xuất và khôi phục kinh tế:

+ Nông nghiệp: Diện tích đất canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, nhiều huyện hợp tác xã đạt 5 tấn/ha.

+ Công nghiệp: các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, sớm đi vào sản xuất, công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển.

+ Giao thông vận tải được bảo đảm thường xuyên thông suốt.

+ Văn hóa, giáo dục, y tế cũng phát triển mạnh.

*\*Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn:* Trong 4 năm từ 1965 – 1968 miền Bắc đã đưa hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội hàng chục vạn tấn vũ khí, lương thực thuốc men… vào chiến trường miền Nam.

*Câu 50: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ- Ngụy trong “Việt Nam hóa chiến tranh” . Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống Việt Nam hóa chiến tranh .*

*\*Âm mưu:*

- Sau thất bại của chiến lược “ Chiến tranh cục bộ” Mĩ phải chuyển sang thực hiện chiến lươc “Việt nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, gọi là “Đông Dương hóa chiến tranh”.

- “Việt Nam hóa chiến tranh” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực và không quân Mĩ, vẫn do cố vấn Mĩ chỉ huy, cung cấp vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Tiến hành “Việt nam hóa chiến tranh” Mĩ tiếp tục dùng âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” để giảm thương vong của người Mĩ trên chiến trường.

- Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích để mở rộngchiến tranh xâm lược Campuchia (năm 1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (năm 1971) thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

*\* Thủ đoạn:*

- Tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền SG.

- Mở rộng chiến trangh phá hoại MB, Lào, CPC.

- Mĩ tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hoàn hoãn với Liên xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân ta.

*\* Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ*

- Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam thành lập, được 23 nước công nhận, có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Tháng 4-1970 Hội nghị cấp cao 3 nước Việt Nam - Lào – Campuchia họp, biểu thị quyết tâm của nhân dân 3 nước Đông Dương đoàn kết chống Mĩ.

- Tháng 4 – tháng 6 / 1970 , quân đội ta phối hợp nhân dân Campuchia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân Sài Gòn

- Tháng 2 – tháng 3 / 1971, bộ đội Việt nam phối hợp với nhân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” chiếm giữ đường 9- Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương .

- Ở thành thị, phong trào học sinh, sinh viên phát triển rầm rộ. Ở nông thôn, đồng bằng … quần chúng nhân dân nổi dậy chống bình định, phá ấp chiến lược.

*\* Cuộc tiến công chiến lược năm 1972*

Ngày 30-3-1972 ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam.

- Kết quả: chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

- Ý nghĩa: giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” , buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”).

*\* Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) & “Việt Nam hoá chiến tranh”(1969-1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?*

\* *Giống nhau*

- Đều là loại hình chiến tranh xâm lược kiểu mới của Mỹ,nhằm biến MN thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

*\* Khác nhau*

-Lực lượng:

+ “CTCB”:Tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ,quân đồng minh,quân đội Sài Gòn.Trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng.

+ “VNH chiến tranh”:Tiến hành bằng quân đội Sài Gòn đựơc sự chỉ huy của hệ thống “cố vấn” quân sự Mỹ.Trong đó quân đội Sài Gòn giữu vai trò chủ yếu.

-Biện pháp:

+ “ CTCB”: Mỹ tiến hành các cuộc hành quân “Tìm diệt” & “Bình định” vào căn cứ quân giải phóng...

+ “VNHCT”:Rút dần quân Mỹ, tăng cường xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn.Tăng cường viện trợ quân sự...

-Quy mô:

+ “CTCB”: Tiến hành chiến tranh xâm lược ở VN.

+ “VNHCT”: Mở rộng chiến tranh trên toàn Đông Dương.

*Câu 51: Những thành tích của quân dân Miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972) . Ý nghĩa của chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”*

- Ngày 16-4-1972, Tổng thống Mĩ Nichxon chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai).

- Từ ngày 18 đến hết ngày 29-12-1972, Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

*\* Kết quả* : Quân dân ta ở miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên phủ trên không” quân dân ta đã bắn rơi 81 máy bay, bắt sống 43 phi công Mĩ. Trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần hai , miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ, bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

*\*Ý nghĩa:* “Điện Biên Phủ trên không” là trận quyết định buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam (1-1973)

*Câu 52: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*

*\* Hoàn cảnh lịch sử :*

- Ngày 31-3-1968, sau đòn bất ngờ Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Mĩ bắt đầu nói đến thương lượng.

- Tháng 5-1968 đàm phám hai bên: VNDCCH và Hoa Kì

- Tháng 1-1969 đàm phán bốn bên: Có thêm MTDTGPMNVN và VNCH. Cuộc đàm phán diễn ra gay gắt, nhiều lúc phải gián đoạn.

Sau thất bại trận “Điện biên phủ trên không” Mĩ buộc phải kí hiệp định Pari (27-1-1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

*\* Nội dung của hiệp định Pa ri :*

- Hoa Kì cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kì cam kết rút hết quân đội của mình và quân đồng minh. Cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị .

- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt

- Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương .

*\*Ý nghĩa*

- HĐ Pa ri về VN là thắng lợi của sự kết hợp của đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân và dân hai miền Nam, Bắc, mở ra bước ngoặc mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

- Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi, để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền N

1. PHẦN BÀI TẬP

Bài 21. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Phần I: Nhận biết.

Câu 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) diễn ra trong bối cảnh lịch sử

A. Cách mạng hai miền Nam-Bắc có những bước tiến quan trong.

B. Cách mạng miền Nam Việt Nam đang đứng trước những khó khăn.

C.Cách mạng ở Miền Bắc đang chống lại sự phá hoại nặng nề của Mĩ.

D. Cách mạng miền Nam gặp khó, cách mạng miền Bắc thành công

Câu 2. Nội dung “bình định miền Nam trong 2 năm” , là kế hoạch quân sự nào sau đây của Mĩ?

A. Kế hoạch Xtalây Taylo.

B. Kế hoạch Giônxơn Mac-namara.

C. Kế hoạch định mới của Mĩ.

D. Kế hoạch Đờ-Lát Đờ-tát-Xi-nhi.

Câu 3. Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre nổ ra phong trào đấu tranh nào ?

A. Chống bình định.

B. Phá ấp chiến lược.

C. Đồng khởi.

D. Trừ gian diệt ác.

Câu 4. Nhiệm vụ của Cách mạng miền Nam Việt Nam sau 1954 là

A. chống lại sự bắn phá và ném bom ác liệt của chính quyền Mĩ-Diệm

B. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.

D. tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, Diệm.

Câu 5. Quyết định cơ bản của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15 (1-1959) là gì?

A.Dùng đấu tranh ngoại giao để đánh đổ ách thông trị Mĩ - Diệm.

B.Nhờ sự giúp đỡ của các nước ngoài để đánh Mĩ - Diệm.

C.Giành chính quyền bằng con đường đấu tranh hòa bình.

D.Nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ quyền Mĩ - Diệm.

Câu 6 . Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

B. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.

Câu7. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B.Tiêu diệt lực lượng của ta.

C.Kết thúc chiến tranh.

D.Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 8: Một trong những sai lầm của cuộc cải cách ruộng đất (1954-1957) là

A. qui nhằm cán bộ đảng viên thành địa chủ.

B. phát động quần chúng cải cách ruộng đất.

C. thực hiện người cày có ruộng, giảm tô, giảm thuế.

D. đấu tố tràn lan qui nhằm thành phần địa chủ.

Câu 9. Sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam Việt Nam, Mĩ chuyển sang chiến lược chiến tranh nào?

A.“Chiến tranh đặc biệt”.

B.“Chiến tranh đơn phương”.

C.“Chiến tranh Cục bộ”.

D.“Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 10. Ngày 16-05-1955 lực lượng nào rút khỏi miền Bắc nước ta?

A. Quân Anh.

B. Quân Pháp.

C. Quân Trung hoa dân quốc.

D. Quân Nhật Bản.

Câu 11. Thắng lợi nào dưới đây không góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam?

A. Vạn Tường.

B. An Lão.

C. Đồng Xoài.

D. Ba Gia.

Câu 12.Thắng lợi quân sự nào của quân dân miền Nam góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. An Lão.

B.Vạn Tường.

C. Ấp Bắc.

D. Núi Thành.

Phần II: Thông hiểu.

Câu 1. Thắng lợi nào dưới đây chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

A.Chiến thắng Bình Giã.

B.Chiến thắng Ấp Bắc.

C.Chiến thắng Vạn Tường.

D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây không phải ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960)?

A. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

C.Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D.Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

Câu 3. Hội nghị nào của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đã có quyết định gì?

A. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường chính trị.

B. Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực giành chính quyền.

C. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường vũ trang.

D. Để nhân miền Nam đấu tranh bằng con đường ngoại giao.

Câu 4. Chiến thắng nào của quân và dân ta đánh dấu sự phá sản cơ bản của “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965)  của Mĩ?

A.Ba Gia.

B. An Lão.

C. Ấp Bắc.

D. Bình Giã.

Câu 5. Âm mưu của Mĩ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là

A. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

B. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.

C. bưa quân đội Mĩ vào miền Nam.

D. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

Câu 6. Sau khi Pháp rút khỏi nước ta, Mĩ đã có hành động gì?

A.Biến nước ta làm căn cứ quân sự tiến đánh Trung Quốc.

B. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.

C.Trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.

D.Đưa bọn tay sai Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.

Câu 7. Điều khoản nào trong Hiệp định Giơrievơ 1954 khi quân Pháp rút khỏi nước ta, đã chưa thực hiện?

A. Để lại quân đội ở miền Nam.

B. Để lại cố vấn quân sự khoác áo dân sự.

C. Phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

D.Chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

Câu 8. Kết quả của phong trào “Đồng khởi” là gì?

A. Phá vở từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển.

C. Ủy ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

Câu 9. Hình thức đấu tranh nào của quân và dân ta chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam?

A. Đấu tranh ngoại giao.

B. Đấu tranh  vũ trang

C.Đấu tranh chính trị.

D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang

Câu 10. Cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966- 1967 vào Đông nam bộ là cuộc hành quân nào?

A. Atơnbôrơ.

B. Xêđanphôn

C. Gian Xơnxity

D.Cuộc hành quân ánh sáng sao

Câu 11. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất dẫn đến phong trào “Đồng khởi” 1959 – 1960 là

A. Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ, thực hiện chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”.

B. Có nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối CM miền Nam.

C. Do chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho CM miền Nam bị tổn thất nặng.

D. Mỹ Diệm phá hoại hiệp định, thực hiện chiến dịch tố cộng diệt cộng, thi hành luật 10-59.

Câu 12. Ngày 02- 01- 1963 đã giành được thắng lợi trong trận nào.

A. Ấp Bắc.

B. Ba Gia.

C. Đồng Xoài.

D. Vạn Tường.

Phần III: Vận dụng.

Câu 1. Chính sách nào của Mỹ- Diệm tác động gây khó khăn với cuộc cách mạng miền Nam Việt Nam từ 1954-1959?

A. Phế truất Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

B. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.

C. Đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra“luật 10 – 59”, công khai chém giết.

D. Thực hiện chính sách “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”.

Câu 2. Quyết định của Hội Nghị ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 15(1-1959) tác động như thế nào với cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Phong trào chỉ nổ ra ở Bến Tre.

B. Phong trào nổ ra lẻ tẻ từng địa phương.

C. Phong trào nổ ra ở nhiều nơi.

D.Phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam lan rộng trở thành cao trào.

Câu 3. Sự kiện nào của quân và dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954-1975) đánh dấu cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

A. chiến thắng Bình Giã.

B. chiến thắng Ấp Bắc.

C. phong trào Đồng khởi.

D. chiến thắng Vạn Tường.

Câu 4. Trong giai đoạn 1954-1975 Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

A. có vai trò cơ bản nhất.

B. có vai trò quan trọng nhất.

C. có vai trò quyết định nhất.

D. có vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 5. Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951)

A. thông qua báo cáo chính trị.

B. bầu Ban chấp hành trung ương đảng.

C. xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

D. thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Câu 6: Hạn chế của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng tháng 9 năm 1960 là gì?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

B. Tiếp tục cuôc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam.

C. Đưa miền Bắc tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên Chủ nghĩa xã hội.

D.Cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thống nhất đất nước.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây là điểm khác nhau cơ bản giữa chiền lược “Chiên tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam 1961-1965 và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” 1965-1968

A. mĩ chỉ huy bằng lực lượng cố vấn.

B.tiến hành cuộc phá hoại ở miền Bắc.

C. dùng người Việt đánh người Việt.

D. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây là điểm giống nhau cơ bản giữa chiền lược “Chiên tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam 1961-1965 và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” 1965-1968

A. tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ.

B.tấn công quân giải phóng ở Vạn Tường Quảng Ngãi.

C. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” “bình định” ở miền Nam.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây là điểm khác nhau cơ bản giữa chiền lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam 1961-1965 và chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh 1969-1973 ở miền Nam Việt Nam?

A.”Dùng quân Đồng minh Mĩ đánh ngưới Việt”.

B. “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

C. “Dùng người Đông Dương đánh người Đông”.

D. “Dùng người Việt đánh người Việt”.

Câu 10.Âm mưu dùng người Việt đánh người Việt trong chiến lược chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam thể hiện âm mưu nào của Mĩ?

A. Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường.

B. Tận dụng xương máu của người Việt.

C. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút dần khỏi chiến tranh.

D.Tăng sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

Câu 11. “Ấp chiến lược” được coi là “xương sống” của chiến lược chiến tranh nào Mĩ thực hiện ở miền Nam Viêt Nam từ 1961-1973

A. chiến tranh đặc biệt.

B. chiến tranh Cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi”(1959-1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

B. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

C. Đưa CM miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

Phần IV:Vận dụng cao

Câu 1. Chiến lược“Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam thuộc học thuyết nào của Mĩ trong chiến lược toàn cầu?

A. Phản ứng linh hoạt.

B. Ngăn đe thực tế.

C. Chính sách thực lực.

D. Bên miệng hố chiến tranh.

Câu 2. Một trong những bài học kinh nghiệm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) để lại cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là?

A.Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ưu tiên công nghiệp nặng.

B.Tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội.

C.Xây dựng nền kinh tế chủ nghĩa xã hội hiện đại

D.Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa phù hợp thực tế điều kiện đất nước.

Câu 3. Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành trung đảng (1-1959) đã để lại bài học kinh nghiệm nào cho Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Sử dụng con đường đấu tranh ngoại giao giành chính quyền.

B.Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

C. Sử dụng con đường đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

D.Sử dụng con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Câu 4. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) có vai trò nào dưới đây trong cuộc kháng chiến chống Mĩ?

A.Lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh.

B.Xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam.

C.Giữ gìn lực lượng cách mạng chuẩn bị phản công.

D. Đoàn kết toàn dân chống đế quốc và chính quyền tay sai.

Câu 5.Điểm khác nhau cơ bản về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960) với Đại hội đại biểu lần thứ VI (12-1986) là?

A.Tiến hành công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

B.Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

C.Tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D.Tiến hành xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Câu 6. Ý nghĩa giống nhau cơ bản giữa chiến thắng trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2-1-1963 và chiến thắng Vạn Tường (Quãng Ngải) ngày 18-8-1965.

A. hai chiến thắng trên đều chống một loại hình chiến tranh của Mĩ

B. đều chúng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đánh chiến lược chiến tranh mới của Mĩ.

C. đều chứng tỏ tinh thần kiên cướng bất khuất của nhân dân miền Nam Việt Nam chống Mĩ cứu nước.

D. đều thể hiện sức mạnh vũ khí của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ cho cách mạng Viêt nam.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây là một trong những ưu điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960)?

A.Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

B. Đề ra nhiệm vụ chiến lược cà nước và cách mạng từng miền.

C. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 8. Một trong những bài học chủ yếu cho cách mạng Việt Nam được rút ra từ việc tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) là

A. mềm dẻo linh hoạt trong thực hiện lãnh chỉ đạo cách mạng.

B. chỉ đạo cách mạng cho cả hai miền.

C. chỉ đạo sâu sát quyết liệt cho cách mạng miền Nam.

D. tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 9. Một trong những bài học được rút ra từ việc thực hiện cải cách ruộng đất (1954-1957) cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là gì?

A. Dựa vào giai cấp công nhân.

B. Dựa vào địa chủ kháng chiến.

C. Dựa vào sức mạnh của toàn dân.

D. Dựa vào sức mạnh giai cấp nông dân.

Bài 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU

VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)

NHẬN BIẾT:

Câu 1. Ngày 7-2-1965 gắn với sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc bộ“, bắn phá một số nơi ở miền Bắc.

B. Mĩ chính thức tiến hành cuộc chiến phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

C. Quân giải phóng miền Nam tấn công doanh trại Mĩ ở Playcu.

D. Mĩ triển khai chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

Câu 2. Các cuộc hành quân chủ yếu trong mùa khô 1965-1966 của quân Mĩ và quân Sài Gòn nhằm vào hai hướng chính là

A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ và Liên Khu V.

C. Đông Nam bộ và Nam Trung bộ.

D. Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Câu 3. “Chiến tranh cục bộ “ bắt đầu từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

A. quân Mĩ , quân một số nước đồng minh của Mĩ.

B. quân Mĩ , đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

C. quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

D. quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

Câu 4. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam ra đời sau sự kiện nào?

A. Ngô Đình Diệm bị đảo chính.

B. Chiến thắng của ta ở Ấp Bắc (Mỹ Tho).

C. Thất bại của Mĩ trong việc lập ấp chiến lược.

D. Thất bại của Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt”.

Câu 5. Chiến thắng nào của ta mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Ấp Bắc.

B. Vạn Tường.

C. Bình giã.

D. Đồng Xoài.

Câu 6. Phạm vi thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ là:

A. Miền Nam

B. Cả nước.

C. Miền Bắc

D. Đông Dương.

Câu 7. Đồng minh của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam là

A. Hàn Quốc, Anh, Pháp, Úc, Niu Dilân.

B. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Úc, Niu Dilân.

C. Anh, Ý, Thái Lan, Philipin, Niu Dilân.

D. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Pháp, Niu Dilân.

Câu 8. Mục tiêu của Mĩ trong các cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 -1966 và 1966 – 1967) là gì?

A. Đánh bại chủ lực Quân giải phóng.

B. Bình định miền Nam.

C. Đánh phá đất thánh Việt Cộng.

D. Tiêu hao lực lượng của ta.

Câu 9. Thắng lợi quân sự nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ ?

A. Bình Giã.

B. Núi Thành.

C. Vạn Tường.

D. Đồng Xoài.

Câu 10. Sau thắng lợi nào của ta Mĩ chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).

C. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 11. Chiến thắng Vạn Tường được xem là sự kiện mở đầu cao trào:

A. “Tìm Mĩ mà đánh - lùng ngụy mà diệt”.

B. “Noi gương Vạn Tường, giết giặc lập công”.

C. “Tìm Mĩ mà diệt–lùng ngụy mà đánh”.

D. “Lùng Mĩ mà đánh – tìm ngụy mà diệt”.

Câu 12. Trong các cuộc hành quân lớn “tìm diệt, bình định”, cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. Gianxơn Xiti.

B. Giônxơn Mắcnamara.

C. Xtalây Tâylo

D. Mắcnamara.

THÔNG HIỂU

Câu 1. Nội dung nào sau đây không đúng với ý nghĩa của cuộc tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968?

A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

C. Chấm dứt phá hoại Miền Bắc.

D. Ký hiệp định Pari.

Câu 2. Trong chiến lược chiến tranh cục bộ Mĩ đề ra chiến lược quân sự mới “Tìm diệt” nhằm mục đích gì?

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. Tạo thuận lợi trên bàn ngoại giao.

C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường.

D. Ngăn chặn tiếp viện từ Bắc vào Nam.

Câu 3. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1968, chứng tỏ điểu gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã trường thành nhanh chóng.

C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khá năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

Câu 4. Sự chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 - 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến dấu chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D.Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 5. Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc vì

A. thất bại trong “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

B. thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. nhân dân Mĩ và nhân dân thê giới lên án.

D. thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 6. Ý nào dưới đây không phải là âm mưu của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Cứu nguy cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta.

Câu 7. Từ năm 1965 đến năm 1968 , nhân dân miền Bắc phải thực hiện những nhiệm vụ gì?

A. Vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam.

B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ.

C. Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại , vừa sản xuất làm nghĩa vụ hậu phương.

D. Nhận viện trợ từ bên ngoài để chi viện cho chiến trường miền Nam.

Câu 8. Điểm giống nhau cơ bản nhất giữa chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh là hình thức

A. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.

B. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

C. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.

D. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 9. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước ( 1954-1975) , thắng lợi nào của ta buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa“ tranh (thừa nhận sự thất bại của chiến tranh cục bộ)?

A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).

C. Cuộc tổng tiến công và nổi dây xuân Mậu Thân (1968).

D. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

Câu 10. Ý nào dưới đây không phải là âm mưu của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

A. Phá hoại tiềmlực kinh tế , quốc phòng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

C. Uy hiếp tinh thần , , làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

D. Giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 11. Lực lượng nào giữ vai trò quan trong và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968)?

A. Quân đội tay sai Sài Gòn.

B. Cố vấn Mĩ.

C. Đồng minh Mĩ.

D. Quân Mĩ.

Câu 12. Thắng lợi nào đánh dấu sự phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) của Mĩ ở Việt Nam?

A. Núi Thành (Quảng Nam).

B. Vạn Tường 18-8-1965.

C. Chiến thắng Mậu Thân 1968.

D. Thắng lợi trong hai mùa khô.

VẬN DỤNG:

Câu 1. Điểm khác biệt lớn nhất giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” và” chiến tranh đặc biệt” là

A. Được tiến hành bằng quân Mĩ , quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

B. Được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn với vũ khí , trang bị kĩ thuật và phương tiện chiến tranh của Mĩ

C. Được tiến hành bằng quân đội Sài gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ.

D. Được tiến hành bằng quân Mĩ , trang bị kĩ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 2. Cho các chiến lược của Mĩ ở thực hiện ở Việt Nam

1. Chiến tranh đặc biệt

2. Việt Nam hóa chiến tranh

3. Chiến tranh cục bộ

Hãy sắp xếp các chiến lược trên theo đúng trình tự thời gian

A. 1,2,3.

B. 2,1,3.

C. 2,3,1.

D. 1,3,2.

Câu 3. Ý nào dưới đây là điểm khác biệt giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

A. đều là hình thức chiến tranh thực dân mới.

B. đều sử dụng quân đội Sài Gòn.

C. các chiến lược đều thất bại.

D. đều mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương.

Câu 4. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968 của ta, Mĩ tuyên bố “ phi Mĩ hóa” chiến tranh tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược

A. Chiến tranh một phía.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Nâng cao uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.

C. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.

D. Chiến thắng Vạn Tườngđược coi là “ Ấp Bắc” đới với quân Mĩ.

Câu 6. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Sử dụng các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

B. Sử dụng quân đội Mỹ, quân Đồng minh và đánh phá miền Bắc.

C. Huy động lực lượng lớn quân Đồng minh của Mỹ tham gia.

D. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 7. Ý nghĩa lớn nhất cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu thân 1968 là

A. buộc Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. buộc Mĩ ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Pa ri.

C. buộc Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.

D. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến.

Câu 8. Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” là

A. lực lượng quân đội Sài gòn giữ vai trò quan trọng.

B. lực lượng quân đội Mĩ giữ vai trò quan trọng.

C. sử dụng trang thiết bị, vũ khí của Mĩ.

D. lực lượng quân Đồng minh giữ vai trò quan trọng.

Câu 9. Ý nào không phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược“ Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

A. nhanh chóng tạo ra ưu thế mới về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới “ tìm diệt”.

B. cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ, hoặc rút về biên giới.

C. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của Quân giải phóng, các cuộc hành quân“tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

D. dồn dân lập “ ấp chiến lược” coi đây là “xương sống” của chiến lược.

Câu 10. Ý nghĩa nào dưới đây là của cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968?

1. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

2. Chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

3. Mĩ rút quân về nước.

4. Buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

A. 1,2.

B. 2,3.

C. 3,4.

D. 4,1.

Câu 11. Ý nào dưới đây thể hiện sự khác nhau trong âm mưu của Mĩ giữa cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và lần thứ hai:

A. Ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc, miền Bắc vào miền Nam.

B. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mĩ.

C. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta ở hai miền Nam – Bắc.

D. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của nhân dân miền Bắc.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây là điểm giống nhau của ba loại hình chiến lược (Chiến tranh đặc biệt, Chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh) của Mỹ ở Việt Nam?

A. Sử dụng quân Mĩ và đồng minh của Mĩ, với sự viện trợ quân sự cho quân đội Sài gòn.

B. Có cố vấn Mĩ chỉ huy, tranh thủ ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc để cô lập ta.

C. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

D. Sử dụng quân đội Sài Gòn, do Mĩ chỉ huy, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

VẬN DỤNG CAO:

Câu 1. Điểm mới của “ chiến tranh cục bộ” so với “chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

A. Có sự tham gia của quân đội Mĩ và quân đồng minh Mĩ.

B. Sự tham gia quân đội Sài Gòn với viện trợ Mĩ.

C. Phạm vi chiến tranh lan rộng khắp Đông Dương.

D. Mức độ chiến tranh ngang nhau, chưa ác liệt.

Câu 2. Cầu Mĩ Thuận ở Đồng bằng sông Cửu Long do một đồng minh của Mĩ từng tham gia chiến tranh tại miền Nam ( 1965-1968 ) xây dựng là

A.Hàn Quốc.

B. Thái Lan.

C.Philippin.

D. Ôxtrâylia.

Câu 3. Qua thất bại “chiến tranh đặc biệt”, Mĩ đã rút ra bài học gì cho “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam?

A. Mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.

B. Quân Mĩ và đồng minh Mĩ trực tiếp tham chiến.

C. Cần tiếp tục tăng cường chiến tranh xâm lược.

D. Vận động Quốc hội Mĩ ủng hộ cuộc chiến tranh.

Câu 4. Vụ thảm sát Mĩ Lai do quân đội Mĩ thực hiện ở Sơn Tịnh ( Quảng Ngãi ) ngày 16-3-1968 đã gây sốc cho dư luận ở Mĩ, Việt Nam và thế giới dẫn đến

A. Lập tòa án quân sự xét xử tội ác chiến tranh.

B. Các cuộc biểu tình lớn trên thế giới phản đối Mĩ.

C. Quân đội Mĩ triệt thoái khỏi miền Nam năm 1972.

D. Quân đội Mĩ chấm dứt chiến tranh tại miền Nam.

Câu 5. Mĩ đã rút ra bài học gì sau cuộc nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ?

A. Đề ra chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh.

B. Tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược và tranh thủ ngoại giao.

C. Bình định miền Nam bằng ấp chiến lược và phá hoại miền Bắc.

D. Tiếp tục phá hoại miền Bắc và mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

Câu 6. Miền Bắc rút ra bài học gì sau cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ năm 1964 – 1968 ?

A. Tiếp tục kế hoạch 5 năm lần thứ I chưa hoàn thành.

B. Tăng cường khả năng quốc phòng để đối phó với Mĩ.

C. Nhờ các Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ.

D. Khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục sản xuất và chi viện cho miền Nam.

Câu 7. Mĩ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” để đánh phá miền Bắc (1964). Đây là sự kiện được đánh giá

A. là chiến lược toàn cầu của Mĩ ngăn chặn chủ nghĩa xã hội.

B. lấy cớ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

C. thể hiện tính ác liệt và quy mô phá hoại của Mĩ.

D. biểu hiện sức mạnh của Mĩ về quân sự.

Câu 8. Qua bốn năm (1964-1968) chiến tranh phá hoại miền Bắc Mĩ đã rút ra bài học gì trong cuộc tham chiến tại Việt Nam?

A. Cần tăng cường đánh phá miền Bắc ác liệt hơn nữa.

B. Tăng cường quân Mĩ và tiếp tục viện trợ cho miền Nam.

C. Không ngăn chặn được sự chi viện từ Bắc vào Nam.

D. Mở rộng đàm phán và sức ép cho ta trên chiến trường.

Câu 9. Quan sát hình dưới đây



Cho biết đây là sự kiện gì tác động đến cuộc chiến tranh xâm lược Mĩ tại Việt Nam ?

A. Cuộc biểu tình lớn của nhân dân Pháp phản đối chiến tranh.

B. Nhân dân Mĩ biểu tình phản chiến đòi Mĩ rút quân về nước.

C. Nhân dân miền Bắc mit tinh xuống đường đòi Mĩ “cút về nước ! ”

D. Cuộc vận động bầu cử của Tổng thống Giôn xơn tại Mĩ.

BÌNH THUẬN

BÀI 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT

(1965 - 1973)

I. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

Câu 1: Trong cuộc phản công chiến lược 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến nào của địch?

A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Phước Long.

B. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam bộ.

C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Câu 2: Sự kiện nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Chiến thắng trong cuộc phản công chiến lược 1966 – 1967.

Câu 3: Sự kiện nào đã “đánh cho Mĩ cút”?

A. Thắng lợi của “chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” 1972

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 30/4/1975

D. Hiệp định Pari 1973

Câu 4: Ngày 6/6/1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đến Hội nghị Pa-ri.

B. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần 2.

D. Hội nghị cao cấp ba nước Đông Dương.

Câu 5: Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ về nước, nhằm tận dụng xương máu của người Việt, đó là âm mưu của

A. chiền lược “Chiến tranh đặc biệt”.

B. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

C. chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”.

D. chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 6. Ngày 18 – 3 – 1970, xẩy ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mĩ chấp nhận kí Hiệp định Pari.

B. Chính phủ Xihanúc ở Campuchia bị lật đổ.

C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

D. Ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị.

Câu 7: Mục đích chủ yếu nào của Mĩ khi cho máy bay tập kích Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm?

A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Đánh phá miền Bắc, không cho tiếp tế cho miền Nam.

C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của ta.

D. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Câu 8. Vị tổng thống nào của Mĩ đã phát động Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2?

A. Tổng thống Níchxơn.

B. Tổng thống Truman.

C. Tổng thống Kennedy.

D. Tổng thống Aixenhao.

Câu 9. Khối lương vật chất mà miền Nam chi viện cho các chiến trường trong năm 1972 là

A. tăng gấp 1,7 lần so với 1971.

B. tăng gấp 1,6 lần so với 1971.

C. tăng gấp 1,7 lần so với 3 năm tước.

D. tăng gấp 1,6 lần so với 3 năm trước.

Câu 10: Ngày 27 – 1 -1973, đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mĩ kí hiệp định Pari.

B. Hội nghị Pari bắt đầu.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2.

Câu 11: Ngày 13 – 5 – 1968, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc đàm phán chính thức giữa 2 bên diễn ra tại Pari.

B. Cuộc đàm phán chính thức giữa 3 bên diễn ra tại Pari.

C. Cuộc đàm phán chính thức giữa 4 bên diễn ra tại Pari.

D. Cuộc đàm phán chính thức giữa 5 bên diễn ra tại Pari.

Câu 12. Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12/8/1972 đến 29/12/1972.

B. Từ 18/12/1972 đến 20/12/1972.

C. Từ 20/12/1972 đến 29/12/1972.

D. Từ 18/12/1972 đến 29/12/1972.

II. CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Câu 13: Thắng lợi nào buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari?

A. Trận “ Điện Biên Phủ trên không”.

B. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

C. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ, Ngụy.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 14: Tại sao Mĩ phải chuyển sang chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Chiến tranh cục bộ bị phá sản.

B. Chiến tranh đặc biệt bị phá sản.

C. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.

D. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai bị đánh bại.

Câu 15: Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại lần 2.

B. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần 1.

C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 16: Kết quả nào dưới đây không phải là của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.

B. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.

D. Mĩ tăng cường lực lượng Mĩ cho chiến trường miền Nam.

Câu 17. Mĩ thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” trong chiến lược nào dưới đây ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”

B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 18: Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

C. Mĩ phải rút hết quân về nước.

D. Hiệp định Pari được kí kết.

Câu 19: Mĩ dùng thủ đoạn ngoại giao nào dưới đây để hạn chế sự giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến của ta?

A. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

B. Liên kết chặt chẽ với các nước Tây Âu.

C. Kêu gọi Liên Hợp Quốc ủng hộ Mĩ.

D. Thành lập khối SEATO.

Câu 20: Ngày 18 – 12- 1972, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mĩ kí Hiệp định Pari.

B. Mĩ mở cuộc tập kích vào Hà Nội, Hải Phòng.

C. Ta mở cuộc tiến công chiến lược Năm 1972.

D. Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

Câu 21: Thắng lợi chung của Việt Nam – Lào trên mặt trận quân sự trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ – Ngụy.

B. Đập tan âm mưu chia cắt Đông Dương của Mĩ.

C. Làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.

D. Mĩ kí Hiệp định Pari.

Câu 22: Nhân dân ta chống lại chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, đó là loại hình chiến tranh nào?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”

B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 23: Được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao khi mới ra đời. Đó là

A. chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

B. chính phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam.

C. chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 24: “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng nào là chủ yếu?

A. Quân đội Mĩ.

B. Quân đội Sài Gòn.

C. Quân đội các nước đồng minh Mĩ.

D. Quân đội các nước Đông Dương.

Câu 25. Quân Mĩ rút dần khỏi chiến trường miền Nam trong chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh là vì lí do nào dưới đây?

A. Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường Việt Nam.

B. Quân Ngụy đủ sức chống cách mạng.

C. Mĩ thấy quá tốn kém về người và của.

D. Mĩ muốn kết thúc chiến tranh.

Câu 26: Trong những năm 1969 – 1973, phong trào nào dưới đây đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia?

A. Phong trào học sinh, sinh viên.

B. Phong trào sinh viên, công nhân.

C. Phong trào tư sản, học sinh.

D. Phong trào công nhân, tiểu tư sản.

Câu 27: Tính đến đầu năm 1971 cách mạng đã giành quyền làm chủ thêm được bao nhiêu áp, bao nhiêu dân?

A. Thêm 3600 ấp với 3 triệu dân.

B. Thêm 2200 ấp với 3 triệu dân.

C. Thêm 3600 ấp với 2,5 triệu dân.

D. Thêm 2200 ấp với 2,5 triệu dân.

III. CÂU HỎI VẬN DỤNG.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari 1973?

A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

B. Hoa Kì cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 29: Ý nghĩa nào dưới đây không phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?

A. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.

B. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.

C. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

D. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.

Câu 30: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải cút khỏi nước ta”.

Nội dung trên được trích dẫn từ tư liệu nào dưới đây?

A. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng.

C. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

D. Thư Chúc tết năm 1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 31: Chiến thắng “Lam Sơn – 719” trong đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa”, “Đông Dương hóa” chiến tranh là thắng lợi chung của những nước nào dưới đây?

A. Việt Nam – Lào.

B. Việt Nam – Campuchia.

C. Campu chia – Lào.

D. Việt Nam – Lào – Campuchia.

Câu 32: Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, sau đòn bất ngờ của quân ta, quân đội Sai Gòn có sự yểm trợ của Mĩ mở cuộc phản công đã gây ra cho ta những khó khăn nào dưới đây?

A. Bị đánh bật ra khỏi các thành phố.

B. Bị đẩy lùi về thế phòng ngự.

C. Bị đẩy bật ra tới biên giới.

D. Bị đẩy ra khỏi các phòng tuyến quan trong.

Câu 33: Đế quốc Mĩ đã dùng thủ đoạn nào dưới đây để phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campu chia?

A. Đảo chính lật đổ Chính phủ N. Xihanúc.

B. Viện trợ cho Chính phủ N. Xihanúc.

C. Hợp tác với quân dân Lào.

D. Sử dụng quân Campuchia tấn công Lào.

Câu 34: Cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Cắt đôi chiến trường Đông Dương.

B. Cắt đôi chiến trường Việt Nam.

C. Cắt đôi chiến trường miền Nam.

D. Cắt đôi chiến trường Lào.

Câu 35: Một trong những điểm mới về thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” so với “Chiến tranh cục bộ” là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Trực tiếp đưa quân viễn chinh Mĩ vào Đông Dương.

C. Sử dụng cố vấn quân sự, phương tiễn chiến tranh của Mĩ.

D. Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương.

Câu 36: Ngày 24 và 25 – 4 – 1970 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Chính phủ N. Xihanúc bị lật đổ.

B. Chiến thắng “Lam Sơn – 719”.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 37: Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam vừa ra đời đã được bao nhiêu nước công nhận?

A. 21 nước công nhận.

B. 22 nước công nhận.

C. 23 nước công nhận.

D. 24 nước công nhận.

IV. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO.

Câu 38: “Việt Nam hóa chiến tranh” nằm trong chiến lược nào của Mĩ?

A. Chiến lược toàn cầu.

B. Chiến lược phản ứng linh hoạt.

C. Chiến lược cam kết và mở rộng.

D. Chiến lược ngăn đe thực tế.

Câu 39: Điểm khác biệt trong đấu tranh ngoại giao của ta trong giai đoạn 1969 – 1973 so với giai đoạn 1965 – 1968?

A. Từng bước đàm phán và rút hết quân về nước.

B. Từng bước đàm phán và phá bỏ các căn cứ quân sự.

C. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari.

D. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

Câu 40: Điểm giống nhau giữa các chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Chiến tranh cục bộ”, “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Quân Mĩ giữ vai trò quan trọng.

B. Đều dùng quân đồng minh của Mĩ.

C. Quân đội Sài Gòn là lược lượng chủ yếu.

D. Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới.

Câu 41: Điều khoản nào trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.

B. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền.

C. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ.

D. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đông minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

Câu 42: Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với các loại hình chiến tranh trước đó là gì?

A. Đều là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.

B. Đều có quân đội Mĩ, quân đồng minh Mĩ tham gia.

C. Lực lượng chủ yếu là quân Ngụy tay sai.

D. Lực lượng chủ yếu là quân đội Mĩ.

Câu 43: Việc hàn gắn vết thương chiến tranh trong nội dung của Hiệp định Pari so với Hiệp định Giơnevơ?

A. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở Đông Dương.

B. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

C. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Nam Đông Dương.

D. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam vả Đông Dương.

Câu 44: Việc quyết định tương lai chính trị ở miền Nam Việt Nam trong nội dung của Hiệp định Pari so với Hiệp định Giơnevơ?

A. Không có sự can thiệp của nước ngoài.

B. Dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế.

C. Dưới sự giám sát của Tổng thư kí Liên hợp quốc.

D. Dưới sự giám sát của Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp.

Câu 45: Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.

B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.

C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.